

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 10 - 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Khánh
2. Bà Dương Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị O, sinh năm 1992. (Có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 2 (thôn Chùa 9 cũ), xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 5 (thôn Đồng Vạn cũ), xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1989. (Vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn 2 (thôn Chùa 9 cũ), xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2019 và bản tự khai ngày 13/8/2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Mạnh H tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam vào ngày 28/01/2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự

nguyên. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H chơi bời lêu lề, cờ bạc, rượu chè; ngoài ra anh H còn nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, chị đã giải thích nhưng anh H không nghe mà thường xuyên chửi bới, đánh đập chị vô cớ, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần, anh H đến xin lỗi thì chị lại về chung sống nhưng anh H vẫn không thay đổi tính nết, mâu thuẫn vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 02/2019, anh H đã đánh và đuổi chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn, không về chung sống cùng anh H nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Tại bản tự khai ngày 14/8/2019 và tại phiên hòa giải ngày 27/8/2019, bị đơn anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh nhất trí như lời trình bày của chị Trần Thị O về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, chỉ là do anh mãi làm ăn kinh tế nên không quan tâm nhiều đến chị O và các con, đến tháng 03/2019 do vợ chồng cãi nhau thì chị O đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh có đến tìm nhưng chị O không về sống cùng anh nữa, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh tha thiết xin đoàn tụ, anh không nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị O và anh H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/7/2010 và cháu Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 12/6/2015, hiện 02 cháu đang do anh H nuôi dưỡng. Ly hôn, chị O xin được nuôi cháu L, để anh H nuôi cháu Â, không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh H xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị O đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị O và anh H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Chị Trần Thị O đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Nguyễn Mạnh H chưa chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13

ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Nguyễn Mạnh H; Về con chung: Giao cho chị O nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/7/2010, giao cho anh H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 12/6/2015, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị O phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị O xin ly hôn anh Nguyễn Mạnh H, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 2, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị O và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2010 tại UBND xã A huyện B, tỉnh Hà Nam là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H mãi chơi bời không quan tâm đến vợ con; vợ chồng không tin tưởng nhau, anh H nghi ngờ chị O có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, cuộc sống ngày càng nặng nề, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 03/2019. Mặc dù anh H xin đoàn tụ nhưng anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ của vợ chồng, tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã A thì địa phương có quan điểm mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, gia đình và thôn đội đã hòa giải nhưng không đạt kết quả, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, việc anh chị về đoàn tụ là khó, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh H có mặt nhưng không ký vào biên bản; Tòa án triệu tập nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên ngày 27/8/2019 Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được; Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét

xử vào ngày 26/9/2019 nhưng do anh H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa. Xét thấy việc anh H xin đoàn tụ là không thiện chí, chỉ là gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, xử cho chị O được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị O và anh Nguyễn Mạnh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/7/2010 và cháu Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 12/6/2015. Ly hôn, anh H xin được nuôi cả hai cháu còn chị O thì xin được nuôi cháu L để anh H nuôi cháu Â. Hội đồng xét xử thấy rằng, cả chị O và anh H đều có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, các cháu hiện đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tại thời điểm Tòa án tiến hành hòa giải thì cháu L ở với chị O, cháu Â ở với anh H, nhưng sau đó chị O cho cháu L về chơi với cháu Â thì anh H đã giữ cháu ở lại, không cho cháu về sống với chị O. Tại biên bản làm việc ngày 23/8/2019 thì các đoàn thể, Chi hội phụ nữ thôn 2, đại diện chính quyền địa phương xã A đều có quan điểm giao cháu L cho chị O nuôi dưỡng, giao cháu Â cho anh H nuôi dưỡng. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay thì cháu Â vẫn do anh H nuôi dưỡng, còn cháu L ở với anh H là do anh H ép buộc cháu; tại các biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thành L vào ngày 21/8/2019 và ngày 09/9/2019 với sự chứng kiến của cô giáo chủ nhiệm lớp 4B - trường Tiểu học xã A thì cháu L đều tha thiết xin được ở với chị O. Do vậy để ổn định cuộc sống của các cháu, tôn trọng nguyện vọng của cháu L, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị O nuôi dưỡng cháu L, giao cho anh H nuôi dưỡng cháu Â, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị O và anh H đều xác định không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị O và anh H đều xác định anh chị có tiêu chuẩn ruộng cây ở xã A, huyện B, ly hôn anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị O phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Nguyễn Mạnh H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị O được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/7/2010; giao cho anh Nguyễn Mạnh H được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 12/6/2015, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Chị Oanh và anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với cháu L và cháu Â.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị O đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002369 ngày 08/8/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp (chị O đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Trần Thị O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Mạnh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân